

Số: 1279/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 01 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 80/QĐ-TTg ngày 11 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh tại Tờ trình số 1909/TTr-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2023; ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 4515/BKHĐT-QLQH ngày 14 tháng 6 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung tổng hợp, tiếp thu, giải trình, hoàn thiện Kế hoạch theo ý kiến tham gia của các Bộ, cơ quan liên quan; tính chính xác của số liệu, thông tin nêu trong Kế hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, QHĐP (2). *gđ*



**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Trần Hồng Hà



KẾ HOẠCH

**Thực hiện Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030,
tầm nhìn đến năm 2050.**

*(Kèm theo Quyết định số 12.79/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2023 của
Thủ tướng Chính phủ)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 80/QĐ-TTg ngày 11 tháng 2 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (gọi tắt là *Quy hoạch tỉnh*).

- Xây dựng lộ trình tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, dự án nhằm thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Quy hoạch tỉnh đã đề ra.

- Xác định nội dung trọng tâm, tiến độ và nguồn lực thực hiện các chương trình, dự án; xây dựng các chính sách, giải pháp nhằm thu hút các nguồn lực thực hiện Quy hoạch tỉnh.

2. Yêu cầu

- Đảm bảo tính tuân thủ, tính kế thừa các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia, cấp vùng, kế hoạch đầu tư công đã được phê duyệt; đảm bảo tính liên kết, thống nhất giữa các nhiệm vụ, chương trình, dự án của các ngành, các địa phương.

- Đảm bảo tính khả thi, linh hoạt, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bối cảnh hội nhập quốc tế và thực tiễn tại địa phương.

- Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực theo phương châm nội lực là căn bản, ngoại lực là quan trọng, kết hợp chặt chẽ nội lực với ngoại lực tạo ra nguồn lực tổng hợp tối ưu, “*lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư*” để tạo đột phá thu hút vốn đầu tư trong phát triển và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại, bảo đảm liên thông tổng thể.

- Phân bổ nguồn lực đầu tư tập trung có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với khả năng huy động nguồn vốn; sớm đưa dự án vào sử dụng, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Kiên quyết xóa bỏ cơ chế “*xin - cho*”, chống tiêu cực, tham nhũng, lãng phí.

- Đề cao tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt của địa phương trong triển khai thực hiện; đẩy mạnh phân cấp trong quản lý đầu tư, tạo quyền chủ động cho các cấp, các ngành, các địa phương trong việc triển khai thực hiện kế hoạch.

III. NỘI DUNG CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện đồng bộ hệ thống các quy hoạch

- Đến năm 2025: Rà soát, lập, điều chỉnh các quy hoạch đô thị, nông thôn, các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo quy định của pháp luật chuyên ngành, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt.

- Trong năm 2023: Tiếp tục rà soát bãi bỏ các quy hoạch về đầu tư phát triển hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể, ấn định khối lượng, số lượng hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm được sản xuất, tiêu thụ trên địa bàn tỉnh; thông báo công khai danh mục các quy hoạch được tích hợp vào Quy hoạch tỉnh hết hiệu lực theo quy định Điều 59 Luật Quy hoạch.

Chủ động nghiên cứu xây dựng các đề án thay thế (nếu cần thiết) để đảm bảo duy trì ổn định công tác quản lý nhà nước và định hướng phát triển của tỉnh.

(Danh mục các quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, bộ, ngành Trung ương hết hiệu lực tại Phụ lục 1 kèm theo)

2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển và đẩy mạnh liên kết vùng

Đến năm 2025: Chủ động phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương, các địa phương trong vùng Đồng bằng sông Hồng xây dựng, hoàn thiện thể chế của Vùng, xác định những đề án trọng tâm, trọng điểm có ý nghĩa tạo đột phá cho phát triển Vùng, phát triển ngành (cả nước), trong đó có các đề án: (1)- Đề án xây dựng các cơ chế, chính sách thí điểm triển khai Khu hợp tác kinh tế qua biên giới Việt Nam - Trung Quốc (Quảng Ninh); (2)- Đề án xây dựng cơ chế, chính sách thí điểm phát triển Khu kinh tế Vân Đồn; (3)- Đề án điều chỉnh ranh giới vùng đệm di sản Vịnh Hạ Long; (4)- Đề án Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử - Vĩnh Nghiêm - Côn Sơn, Kiếp Bạc trình UNESCO công nhận Di sản Thế giới; (5)- Đề án phát triển Quảng Ninh trở thành trung tâm du lịch kết nối với khu vực và thế giới; (6)- Đề án thí điểm phát triển công nghiệp văn hóa tại tỉnh Quảng Ninh. Nghiên cứu triển khai, xây dựng hoặc phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương xây dựng các đề án cơ chế chính sách phát triển, liên kết vùng gắn với lộ trình thực hiện cụ thể.

(Danh mục một số chương trình, đề án, cơ chế, chính sách phát triển, liên kết vùng tại Phụ lục 2 kèm theo)

3. Các chương trình, dự án để triển khai thực hiện quy hoạch

a) Nguyên tắc xác định các dự án đầu tư công

- Ưu tiên thực hiện các dự án kết cấu hạ tầng tạo sức lan tỏa lớn, đặc biệt là kết cấu hạ tầng giao thông chiến lược của tỉnh, bảo đảm đồng bộ, hiện đại, tổng thể, thúc đẩy liên kết vùng, nội vùng gắn với các hành lang phát triển kinh tế

(Hành lang kinh tế Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; hành lang kinh tế Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; hành lang kinh tế ven biển từ Móng Cái, Quảng Ninh đến Cà Mau); hạ tầng y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, an sinh xã hội; hạ tầng kỹ thuật đô thị tại ba vùng động lực đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh để thu hút các nguồn vốn đầu tư, bảo đảm cơ cấu đầu tư hợp lý, hiệu quả.

- Tiếp tục ưu tiên đầu tư hoàn thiện hạ tầng thủy lợi, đê điều, cấp nước, thoát nước đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

b) Dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công

- Đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng của tỉnh nhằm phát huy hiệu quả đầu tư của các công trình hạ tầng đã và đang được thực hiện bằng nguồn vốn đầu tư công. Thu hút đầu tư mở rộng, nâng cao năng suất, hiệu quả các cơ sở sản xuất, kinh doanh tại ba vùng động lực của tỉnh.

- Các ngành, lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư gồm: hệ thống cảng biển, bến cảng đường thủy nội địa, hạ tầng logistics; hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; chế biến, chế tạo ứng dụng công nghệ cao; các khu nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ứng dụng công nghệ cao; phát triển nguồn điện; cấp nước sạch; cơ sở hạ tầng giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, thương mại, dịch vụ.

c) Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư đến năm 2030

- Định hướng danh mục các dự án ưu tiên đầu tư, phân kỳ đầu tư và nguồn lực thực hiện đến năm 2030 theo các ngành, lĩnh vực (Phụ lục 3 kèm theo).

- Quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư, nguồn vốn thực hiện và các thông tin chi tiết của các công trình, dự án đầu tư công và ngoài ngân sách sẽ được tính toán, xác định cụ thể trong từng giai đoạn trong quá trình triển khai theo các quy định của pháp luật liên quan.

4. Kế hoạch sử dụng đất

Căn cứ Quy hoạch sử dụng đất quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia, Quy hoạch tỉnh và chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025 được giao tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh xây dựng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021-2025 và Kế hoạch sử dụng đất tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2026-2030 đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Quy hoạch, Luật Đất đai và các quy định pháp luật có liên quan.

Trường hợp có chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất, khu vực định hướng quy hoạch đầu tư trong các quy hoạch được phê duyệt trước đây khác so với Quy hoạch tỉnh thì thực hiện theo chỉ tiêu sử dụng đất, định hướng quy hoạch đầu tư của Quy hoạch tỉnh này.

5. Nguồn lực thực hiện quy hoạch

Để thực hiện mục tiêu tăng trưởng GRDP là 10% bình quân hằng năm trong thời kỳ quy hoạch 2021–2030, tỉnh Quảng Ninh dự kiến cần huy động tổng số vốn đầu tư toàn xã hội khoảng 2.844 nghìn tỷ đồng, cụ thể:

Nguồn vốn	Cơ cấu trong tổng vốn giai đoạn 2021-2030	
	Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030
Nguồn vốn khu vực nhà nước ¹	30% (tương đương 268 nghìn tỷ)	12% (tương đương 225 nghìn tỷ)
Nguồn vốn khu vực ngoài nhà nước	54% (tương đương 482 nghìn tỷ)	60% (tương đương 1.184 nghìn tỷ)
Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)	16% (tương đương 141 nghìn tỷ)	28% (tương đương 544 nghìn tỷ)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức phổ biến nội dung Quy hoạch và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tới các cấp, các ngành, cán bộ, công chức, viên chức, Nhân dân trên địa bàn tỉnh biết, hiểu, nhận thức rõ vai trò, tầm quan trọng Quy hoạch tỉnh, tạo nền tảng nhận thức thống nhất về tầm nhìn, mục tiêu, định hướng phát triển tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Nghiên cứu xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, giải pháp để triển khai thực hiện các nhiệm vụ đã được xác định trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh.

- Tổ chức rà soát Quy hoạch tỉnh đảm bảo thống nhất với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng đã được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt; bổ sung nội dung sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã vào Quy hoạch tỉnh theo quy định. Chủ động rà soát, kịp thời trình Thủ tướng Chính phủ xem xét việc điều chỉnh Quy hoạch tỉnh phù hợp với tình hình và điều kiện thực tế tại địa phương.

- Định kỳ hàng năm đánh giá thực hiện Quy hoạch tỉnh, báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định của Luật Quy hoạch.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh trong quá trình thực hiện Kế hoạch này; trường hợp cần thiết, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh nghiên cứu, xây dựng hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp nhằm huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thực hiện thành công các mục tiêu trong Quy hoạch tỉnh./.

¹ Gồm ngân sách nhà nước từ trung ương và địa phương, vốn vay từ khu vực nhà nước và doanh nghiệp nhà nước



Phụ lục I

DANH MỤC CÁC QUY HOẠCH THUỘC THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ, BỘ, NGÀNH TRUNG ƯƠNG HẾT HIỆU LỰC

Kèm theo Quyết định số 1279/QĐ-TTg ngày 01/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ

STT	Tên quy hoạch	Số quyết định phê duyệt	Ghi chú
1	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Quyết định số 2622/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ	
2	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Khu kinh tế Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Quyết định số 1856/QĐ-TTg ngày 17/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ	
3	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Quyết định số 1226/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ	
4	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) tỉnh Quảng Ninh	Nghị quyết số 22/NQ-CP ngày 07/02/2013	
5	Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Quảng Ninh	Nghị quyết số 15/NQ-CP ngày 13/02/2018	
6	Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2016-2025 có xét đến 2035 - Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110kV;	Quyết định số 4976/QĐ-BCT ngày 21/12/2016 của Bộ Công thương	
7	Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2016-2025 có xét đến 2035	Quyết định số 4210/QĐ-BCT ngày 8/11/2018 của Bộ Công thương	



Phụ lục II

MỘT SỐ CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN, LIÊN KẾT VÙNG

Kèm theo Quyết định số 1279/QĐ-TTg ngày 01/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ

TT	Nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
I	Một số chương trình, đề án quan trọng tỉnh Quảng Ninh chủ trì		
1	Đề án xây dựng các cơ chế, chính sách thí điểm triển khai Khu hợp tác kinh tế qua biên giới Việt Nam - Trung Quốc (Quảng Ninh)	2023 - 2024	
2	Đề án xây dựng cơ chế, chính sách thí điểm phát triển Khu kinh tế Vân Đồn	2023 - 2024	
3	Đề án điều chỉnh ranh giới vùng đệm di sản Vịnh Hạ Long	2023 - 2024	
4	Đề án Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử - Vĩnh Nghiêm - Côn Sơn, Kiếp Bạc trình UNESCO công nhận Di sản Thế giới	2023 - 2024	
5	Đề án phát triển Quảng Ninh trở thành trung tâm du lịch kết nối với khu vực và thế giới	2023 - 2024	
II	Đề án tỉnh Quảng Ninh được giao phối hợp		
1	Đề án phát triển khu vực Hải Phòng - Quảng Ninh trở thành trung tâm kinh tế biển hiện đại, mang tầm quốc tế, hàng đầu ở Đông Nam Á và là động lực phát triển của vùng	2023 - 2024	Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường
2	Xây dựng cơ chế, chính sách về tài chính, ngân sách để khuyến khích nuôi dưỡng và phát triển nguồn thu; cho phép địa phương được sử dụng ngân sách địa phương để đầu tư các dự án vùng, liên vùng; phân cấp, phân quyền mạnh hơn trong lĩnh vực tài chính gắn với quá trình đánh giá tổng kết, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Ngân sách nhà nước,...	2023 - 2024	Phối hợp với Bộ Tài chính
3	Đề án thí điểm phát triển công nghiệp văn hóa tại tỉnh Quảng Ninh	2023 - 2024	Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
4	Báo cáo rà soát cơ chế, chính sách hiện hành để điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách đặc thù phát triển vùng đồng bằng Sông Hồng.	2023 - 2024	Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư
5	Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	2023 - 2024	Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư

TT	Nhiệm vụ	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
6	Đề án phát triển du lịch cho vùng, trọng tâm là du lịch văn hóa, kết nối các di sản tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội	2023 - 2024	Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
7	Xây dựng cơ chế, chính sách riêng cho các tỉnh, thành phố có Di sản Thế giới và tiếp tục đầu tư 09 Khu du lịch quốc gia trong vùng	2023 - 2024	Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
8	Thành lập và ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng điều phối vùng đồng bằng Sông Hồng	2023 - 2024	Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư



Phụ lục III

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN TRONG QUY HOẠCH TỈNH

Kèm theo Quyết định số 1279/QĐ-TTg ngày 01/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ

TT	Tên Dự án	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021-2025	2025-2030		
A	CÁC DỰ ÁN DO TRUNG ƯƠNG ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN				
1	Đường Cao tốc Nội Bài - Hạ Long		x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
2	Cải tạo nâng cấp Quốc lộ 4B	x	x	Ngân sách nhà nước	
3	Tuyến đường sắt Yên Viên - Phả Lại - Hạ Long - Cái Lân		x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
4	Kè sông, suối biên giới	x	x	Ngân sách nhà nước	
5	Đường dẫn và Cầu Bắc Luân III	x	x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
B	CÁC DỰ ÁN KHÁC				
I	Giao thông vận tải				
6	Đường ven sông kết nối từ đường cao tốc Hạ Long – Hải Phòng đến thị xã Đông Triều, đoạn từ nút giao Đầm Nhà Mạc đến đường tỉnh 338	x		Ngân sách nhà nước	
7	Cải tạo nâng cấp Đường tỉnh 342 kết nối với Lạng Sơn	x		Ngân sách nhà nước	
8	Đường nối từ Quốc lộ 279 từ thành phố Hạ Long đến trung tâm thị trấn Tây Yên Tử, huyện Sơn Động (Bắc Giang)	x		Ngân sách nhà nước	
9	Đầu tư mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 279 kết nối liên thông với đường bao biển Hạ Long - Cẩm Phả	x		Ngân sách nhà nước	
10	Đường dẫn và cầu ra cảng tổng hợp Hòn Nét – Con Ong, đoạn từ cảng Con Ong đến Quốc lộ 18 và cao tốc Hạ Long – Vân Đồn	x	x	Ngân sách nhà nước	
11	Cầu và đường kết nối Uông Bí với Thủy Nguyên; Cầu/hầm nối từ khu vực Tiên Phong với Lạch Huyện		x	Ngân sách nhà nước	
12	Dự án mở rộng Quốc lộ 10		x	Ngân sách nhà nước	
13	Tuyến nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng (tại Hải Dương) với Quốc lộ 18	x	x	Ngân sách nhà nước	
14	Xây dựng hệ thống giao thông quốc gia đến các trung tâm kinh tế, hành chính, chính trị của tỉnh; kết nối đến các khu kinh tế, khu công nghiệp; kết nối đến các điểm du lịch trên địa bàn tỉnh; kết nối đến các trung tâm đô thị;	x	x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
15	Hạ tầng giao thông kết nối các đảo từ Đầm Hà - Cái Chiên - Vĩnh Thực; các đảo của huyện Vân Đồn	x	x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	

TT	Tên Dự án	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021-2025	2025-2030		
16	Đường sắt đô thị: Tuyến từ Đông Triều – Uông Bí – Quảng Yên kết nối với Hải Phòng; Tuyến đường sắt đô thị kết nối Hạ Long – Cẩm Phả - Vân Đồn; Tuyến đường sắt đô thị kết nối Hải Hà - Móng Cái.		x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
17	Trung tâm logistics tại KKT ven biển Quảng Yên, Móng Cái, trung tâm logistics sân bay Vân Đồn; Khu Logistics tại Khu kinh tế cửa khẩu Hoành Mô - Đồng Văn, huyện Bình Liêu	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
18	Bến cảng Vạn Ninh	x		Vốn ngoài ngân sách	
19	Khu bến Cẩm Phả (Cảng Con Ong – Hòn Nét)	x	x	Vốn ngoài ngân sách, FDI	
20	Khu bến Yên Hưng (nay là thị xã Quảng Yên)	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
21	Khu bến Hải Hà	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
22	Bến cảng Mũi Chùa (thuộc huyện Tiên Yên)	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
II	Công nghiệp sản xuất điện				Đầu tư các dự án điện nguồn trên địa bàn tỉnh căn cứ vào Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt
23	Nhà máy điện LNG	x	x	Vốn ngoài ngân sách, FDI	
24	Điện gió trên bờ, điện gió ngoài khơi và điện sinh khối		x	Vốn ngoài ngân sách, FDI	
25	Hiện đại hóa nhiệt điện than công nghệ cao để có hiệu suất cao hơn và giảm tác động môi trường		x	Vốn ngoài ngân sách và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
III	Công nghiệp chế biến, chế tạo				
26	Đầu tư dây chuyền sản xuất phụ tùng ô tô	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
27	Đầu tư dây chuyền sản xuất thiết bị năng lượng tái tạo	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
28	Đầu tư dây chuyền sản xuất thiết bị điện tử, thiết bị y dược	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
29	Đầu tư các KCN phía Nam Đầm Nhà Mạc, phía Bắc Đầm Nhà Mạc, phía Đông sông Rút, phía Tây Sông Khoai, Uông Bí, Việt Hưng 2, Cẩm Phả 2, Đông Triều 2, Hải Hà 1, Hải Hà 2, KCN và dịch vụ logistics Vạn Ninh, KCN – Cảng biển Hải Hà (phần ngoài KCN Texhong Hải Hà)	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
IV	Đô thị - Thương mại				
30	Xây dựng các đô thị lớn tại Hạ Long, Quảng Yên, Móng Cái, Hải Hà	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	

TT	Tên Dự án	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021-2025	2025-2030		
31	Các trung tâm thương mại đa năng, phức hợp/tổng hợp tại các địa phương Hạ Long, Móng Cái, Vân Đồn	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
32	Trung tâm giao dịch nông, lâm, thủy sản quốc tế tại Móng Cái	x		Vốn ngoài nhà nước, FDI	
V	Khoa học công nghệ, thông tin, truyền thông				
33	Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh (IDC)	x	x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
34	Các Khu công nghệ thông tin tập trung tại Hạ Long (Ha Long ICT Park), Quảng Yên, Vân đồn	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
35	Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh (IOC)		x	Ngân sách nhà nước	
36	Trung tâm kiểm soát an toàn thông tin mạng tỉnh (SOC)		x	Ngân sách nhà nước	
37	Trung tâm Truyền thông tỉnh	x		Ngân sách nhà nước	
38	Phát triển các trạm phát sóng 5G và hạ tầng mạng kết nối vạn vật (IoT)	x	x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
39	Khu trình diễn, giới thiệu, chuyển giao mô hình thực nghiệm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, lưu trữ nguồn gen tại Tiên Yên	x	x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
40	Trung tâm khám phá khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Hạ Long, Quảng Yên, Vân Đồn, Móng Cái		x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
VI	Văn hóa – Thể thao – Du lịch				
41	Dự án bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị Khu di tích quốc gia đặc biệt Bạch Đằng	x	x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
42	Dự án bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di tích Thương cảng Vân Đồn	x	x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
43	Di tích Quốc gia đặc biệt Khu di tích lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh trên đảo Cô Tô	x	x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
44	Dự án bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị Khu di tích quốc gia đặc biệt Nhà Trần tại Đông Triều	x	x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
45	Dự án xây mới Trung tâm Văn hóa tỉnh và Nhà hát tỉnh Quảng Ninh		x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
46	Trung tâm vui chơi giải trí Móng Cái, bao gồm: (1) Trung tâm ẩm thực đường phố ngoài trời, (2) Hệ thống outlet thương hiệu cao cấp, (3) Khu phố đêm, bao gồm cả các khu mua sắm	x	x	Vốn ngoài nhà nước, ưu tiên thu hút FDI	
47	Nhóm dự án phát triển du lịch vịnh Bái Tử Long và Cô Tô: vẻ đẹp tự nhiên độc đáo và nguyên sơ	x	x	Vốn ngoài nhà nước	
48	Nhóm dự án phát triển du lịch Hạ Long: điểm đến ven biển sôi động và hiện đại	x	x	Vốn ngoài nhà nước	

TT	Tên Dự án	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021-2025	2025-2030		
49	Nhóm dự án công nghiệp văn hóa (bao gồm các ngành điện ảnh; xuất bản; thời trang; nghệ thuật biểu diễn; mỹ thuật; nhiếp ảnh; triển lãm; truyền hình và phát thanh, biểu diễn thực cảnh...)	x	x	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
50	Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin, số hóa trong trưng bày, giới thiệu về các Di sản thế giới và di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia, di tích cấp tỉnh	x	x	Vốn ngân sách và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
51	Biểu diễn thực cảnh tại thành phố Hạ Long, thành phố Móng Cái, thành phố Uông Bí, huyện Vân Đồn, Quảng Yên, Cẩm Phả, Đông Triều,...	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
52	Khu dịch vụ du lịch phức hợp cao cấp tại Khu kinh tế Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh	x	x	Vốn ngoài nhà nước	
VII	Môi trường				
53	Thành lập các khu bảo tồn thiên nhiên, hành lang đa dạng sinh học, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học và phục hồi rạn san hô	x	x	Vốn ngân sách và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
54	Xây dựng các nhà máy thu gom/xử lý nước thải, rác thải, chất thải rắn	x	x	Vốn nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
55	Xây dựng hệ thống các trạm, điểm quan trắc môi trường	x	x	Vốn ngân sách và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
56	Xây dựng các trạm, điểm quan trắc môi trường phóng xạ	x	x	Vốn ngân sách và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
VIII	Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản				
57	Các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao	x	x	Vốn ngoài nhà nước, vốn ngân sách	
58	Đầu tư hình thành và nâng cấp các nông trại và khu vực nuôi trồng thủy sản công nghệ cao; khu hậu cần, dự án nuôi biển cấp vùng, vịnh Bắc Bộ.	x	x	Vốn ngân sách nhà nước, vốn ngoài nhà nước, FDI	
59	Trung tâm chăn nuôi chất lượng cao, chế biến thủy sản, chế biến xuất khẩu	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
60	Dự án trồng rừng bền vững, trồng rừng gỗ lớn, phát triển kinh tế dưới tán rừng	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
61	Nhà máy chế biến dược liệu, thuốc, mỹ phẩm		x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
62	Nhà máy chế biến lâm sản tổng hợp khép kín		x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
63	Dự án đảm bảo an ninh nguồn nước	x	x	Vốn ngân sách và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
IX	Giáo dục – Đào tạo – Y tế				
64	Đầu tư hạ tầng Trường đại học Hạ Long theo mô hình đô thị đại học		x	Vốn ngân sách và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác	
65	Trường Cao đẳng Việt - Hàn Quảng Ninh	x		Ngân sách nhà nước	
66	Trung tâm kiểm Soát bệnh tật (CDC) Quảng Ninh	x		Ngân sách nhà nước	
67	Bệnh viện Phổi	x		Ngân sách nhà nước	
68	Bệnh viện Việt Nam - Thụy Điển	x	x	Ngân sách nhà nước	

TT	Tên Dự án	Phân kỳ đầu tư		Nguồn vốn dự kiến	Ghi chú
		2021-2025	2025-2030		
69	Cao đẳng Y Quảng Ninh	x	x	Ngân sách nhà nước	
70	Bệnh viện theo tiêu chuẩn quốc tế tại thành phố Móng Cái, Vân Đồn.	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
71	Viện dưỡng lão tại Hạ Long, Vân Đồn, Tiên Yên, Ba Chẽ	x	x	Vốn ngoài nhà nước, FDI	
72	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	x	x	Ngân sách nhà nước	

